

Bản án số 48/2022/HSST
Ngày 21/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Cây.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đức, ông Cao Vũ Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2022/TLST-HS ngày 9 tháng 5 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST - HS ngày 6 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Ngô Ngọc L, sinh năm 1960.

Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

HKTT: Thôn Tam Á, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 7/10. Bố đẻ: Ngô Ngọc Lân (đã chết). Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Nhung (đã chết). Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ tư. Vợ: Đặng Thị Soạn, sinh năm 1961. Con: Có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1981, con nhỏ nhất sinh năm 1992.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 03/01/2020, L bị Công an huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03 về hành vi “Đánh bạc trái phép” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định 167 ngày 12/11/2013 của Chính phủ, hình thức xử phạt bằng tiền, mức phạt 1.500.000 đồng. L đã chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/2/2022 đến ngày 18/2/2022, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “tạm giữ” và bị áp dụng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện đang tại ngoại ở địa phương (bị cáo có mặt).

2. Trần Phúc T, sinh năm 1988.

Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

HKTT: Thôn Tân T, xã Võ Lao, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Tạm trú: Thôn Tam Á, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Bố đẻ: Trần Gia Cát (đã chết). Mẹ đẻ: Trần Thị Ngọt, sinh năm 1948. Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con út. Vợ: Mai Thị Đà, sinh năm 1978. Con: có 01 con sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/2/2022 đến ngày 18/2/2022, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “tạm giữ” và bị áp dụng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện đang tại ngoại ở địa phương (bị cáo có mặt).

3. Ngô Thị Q, sinh năm 1955

Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nữ.

HKTT: Thôn Tam Á, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 7/10. Bố đẻ: Ngô Ngọc Lân (đã chết). Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Nhũng (đã chết). Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ ba. Chồng: Nguyễn Xuân Yên, sinh năm 1949. Con: Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1986.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/2/2022 đến ngày 16/2/2022, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “tạm giữ” và bị áp dụng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện đang tại ngoại ở địa phương (bị cáo có mặt).

4. Ngô Văn Ch, sinh năm 1975.

Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

HKTT: Thôn Tam Á, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 2/12. Bố đẻ: Ngô Văn Sơn (đã chết). Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Ân, sinh năm 1939. Vợ: Nguyễn Thị Mai, sinh năm 1987. Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/2/2022 đến ngày 18/2/2022, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “tạm giữ” và bị áp dụng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện đang tại ngoại ở địa phương (bị cáo có mặt).

5. Ngô Văn Ch, sinh năm 1977.

Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

HKTT: Thôn Tam Á, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 3/12. Bố đẻ: Ngô Văn Trều, sinh năm 1949. Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Thự, sinh năm 1948. Vợ: Dương Thị Trúc, sinh năm 1976. Con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 20/10/2016, Ch bị Công an huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 255 về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác” quy định tại điểm e khoản 3 Điều 5 Nghị định 167 ngày 12/11/2013 của Chính phủ, hình thức xử phạt bằng tiền, mức phạt 2.500.000 đồng. Ch đã chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/2/2022 đến ngày 18/2/2022, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “tạm giữ” và bị áp dụng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện đang tại ngoại ở địa phương (bị cáo có mặt).

6. Phạm Hùng V, sinh năm 1971.

Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam

HKTT: Thôn Tam Á, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Bố đẻ: Phạm Khắc May, sinh năm 1930. Mẹ đẻ: Phạm Thị Phận, sinh năm 1930. Vợ: Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1976. Con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2004.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 08/01/2002 bị Công an huyện Thuận Thành bắt, lập danh chỉ bản về việc đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/2/2022 đến ngày 18/2/2022, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “tạm giữ” và bị áp dụng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện đang tại ngoại ở địa phương (bị cáo có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Hồi 15 giờ ngày 12/2/2022, Công an huyện Thuận Thành phối hợp cùng Công an xã Gia Đông phát hiện bắt quả tang tại nhà Ngô Ngọc L, sinh năm 1960 ở thôn Tam Á, xã Gia Đông, Thuận Thành, Bắc Ninh 06 đối tượng đang có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức “đánh liêng” sát phạt nhau bằng tiền gồm: Ngô Ngọc L (chủ nhà); Ngô Văn Ch, sinh năm 1977; Ngô Văn Ch, sinh năm 1975; Phạm Hùng V, sinh năm 1971; Ngô Thị Q, sinh năm 1955 đều ở cùng thôn với L và Trần Phúc T, sinh năm 1988 có HKTT ở thôn Tân T, xã Võ Lao, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ 01 chiếu cói có hoa văn màu đỏ; 01 bộ bài 52 Q bài có mặt lưng màu đỏ và số tiền 340.000 đồng tại chiếu bạc; thu giữ trước mặt Ngô Ngọc L có 180.000 đồng; trước mặt Ch, sinh năm 1977 có 600.000 đồng và 01 ví đựng điện thoại bên trong có 2.200.000 đồng; trước mặt Ch, sinh năm 1975 có 620.000 đồng; trước mặt T có 500.000 đồng; trước mặt V có 20.000 đồng; trước mặt Q có 60.000 đồng. Kiểm tra xung quanh nơi đánh bạc phát hiện phía sau vị trí L ngồi ở trong gầm giường có 01 ví da giữa ví được kẹp 200.000 đồng, bên trong có 6.300.000 đồng và 01 thẻ căn cước công dân mang tên Ngô Ngọc L.

Ngoài ra các đối tượng tự giác giao nộp số tiền như sau: Bị cáo Ch sinh năm 1977 giao nộp 11.500.000 đồng ở túi áo ngực phía trong bên trái; Bị cáo Ch, sinh năm 1975 giao nộp 500.000 đồng tại túi áo khoác phía trước bên trái; Bị cáo T giao

nộp 01 ví bên trong có số tiền 7.500.000 đồng tại túi quần trước bên phải; Bị cáo V tự giác giao nộp 2.000.000 đồng tại túi áo phía trước bên trái; Bị cáo Q tự giác giao nộp số tiền 2.100.000 đồng. Sau đó, tổ công tác đã bàn giao toàn bộ hồ sơ vụ việc và các đối tượng nêu trên cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Thành để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Thành các bị cáo khai nhận như sau: Khoảng 14 giờ ngày 12/02/2022, Ngô Ngọc L đang ở nhà thì có các đối tượng: Ngô Văn Ch sinh năm 1977, Ngô Văn Ch, sinh năm 1975, Phạm Hùng V, Ngô Thị Q và Trần Phúc T đến chơi. Sau đó các đối tượng rủ nhau đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh liêng. L đồng ý cho các đối tượng tham gia đánh bạc tại nhà mình, L không thu tiền phé của những người tham gia đánh bạc và trực tiếp cùng tham gia đánh bạc với các đối tượng. Bản thân L là người đã lấy một bộ bài tú lơ khơ 52 Q có mặt lưng hoa văn màu đỏ ra để mọi người sử dụng đánh bạc, chiếu đã được chải sẵn ở phòng khách của nhà L.

Các đối tượng đánh bạc quy định chơi như sau: Sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 Q màu đỏ chia làm 6 cửa cho 6 người chơi, mỗi cửa 03 Q bài, sau đó cộng điểm 03 Q bài. Khi chơi mỗi người góp 20.000 đồng vào gà (gọi là dâm) và tính điểm. Ai đi thì tố thêm tiền vào gà, thấp nhất là 20.000 đồng, tối đa tố không quá 100.000 đồng. Ai theo thì bỏ thêm số tiền tương ứng người tố vào gà, người không theo thì úp bỏ bài, khi còn hai người thì tố qua lại mỗi lần không quá 100.000 đồng sau đó lật bài ra, ai cao điểm hơn thì thắng và được thu toàn bộ số tiền ở giữa. Nếu bài ai được ăn sếp (ba Q bài giống nhau, ví dụ: 2,2,2) thì ngoài tiền thắng ván đó, mỗi người chơi còn lại phải trả thêm cho người đó là 100.000 đồng và người được sếp sẽ không thu tiền của chủ nhà là L. Nếu ai được liêng đồng hoa (Ba Q liền nhau cùng chất, ví dụ: 4,5,6) thì sẽ được thu thêm của những người còn lại 60.000 đồng và người được liêng đồng hoa sẽ không thu tiền của chủ nhà. Các Q bài 10, J, Q, K là 0 điểm, 09 điểm là to nhất, chất cơ to nhất.

Về số tiền dùng để đánh bạc, các đối tượng khai nhận như sau:

Bị cáo L khai khi tham gia đánh bạc L có số tiền 6.700.000 đồng, L lấy ra số tiền: 400.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc đến khi bị bắt L bị thua số tiền 20.000 đồng nên còn lại số tiền 180.000 đồng để dưới chiếu trước mặt nơi L đánh bạc và số tiền 200.000 đồng kẹp ở ví da. L khai nhận nếu quá trình đánh bạc bị thua hết số tiền 400.000 đồng thì L sẽ lấy thêm số tiền 2.000.000 đồng ra để tiếp tục sử dụng đánh bạc, còn lại số tiền 4.300.000 đồng không sử dụng để đánh bạc. Bản thân L không thu tiền phé của những người đánh bạc mà khi ai được ăn liêng đồng hoa hoặc sếp thì sẽ không thu tiền của L.

Bị cáo V khai nhận: Khi tham gia đánh bạc V có số tiền 2.040.000 đồng, V đã lấy trước số tiền 40.000 đồng ra để đánh bạc. Quá trình đánh có ván thắng ván thua đến khi bị bắt V bị thua số tiền 20.000 đồng, còn lại số tiền 20.000 đồng để dưới chiếu trước mặt vị trí ngồi đánh bạc. Nếu không bị bắt mà thua hết số tiền 40.000 đồng thì V sẽ tiếp tục sử dụng số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc. Tổng số tiền V đã sử dụng và sẽ sử dụng để đánh bạc là 2.040.000 đồng.

Bị cáo Ch sinh năm 1975 khai nhận: Khi tham gia đánh bạc Ch có số tiền 1.000.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc. Quá trình đánh có ván thắng ván thua đến khi bị bắt Ch thắng được số tiền 120.000 đồng nên có tổng số tiền 1.120.000 đồng (trong đó số tiền 620.000 đồng để ở dưới chiếu trước mặt vị trí ngồi đánh bạc, số tiền 500.000 đồng cất giấu ở túi áo khoác bên trái).

Bị cáo Ch, sinh năm 1977 khai nhận: Khi tham gia đánh bạc Ch có số tiền 13.000.000 đồng, Ch đã sử dụng số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh có ván thắng ván thua, đến khi bị bắt Ch thắng được số tiền 1.300.000 đồng (trong đó số tiền 600.000 đồng để ở dưới chiếu trước mặt vị trí ngồi đánh bạc, số tiền 2.200.000 đồng cất giấu trong ốp điện thoại để trên chiếu trước mặt vị trí ngồi đánh bạc). Số tiền 11.500.000 đồng Ch để mua xe cho con nên không sử dụng để đánh bạc.

Bị cáo Q khai nhận: Khi tham gia đánh bạc Q có số tiền 2.200.000 đồng, Q đã lấy số tiền 100.000 đồng ra để sử dụng đánh bạc. Quá trình đánh có ván thắng ván thua, đến khi bị bắt Q bị thua số tiền 40.000 đồng nên còn lại số tiền 60.000 đồng để dưới chiếu trước mặt vị trí ngồi đánh bạc. Nếu không bị bắt mà thua hết số tiền 100.000 đồng thì Q sẽ lấy tiếp số tiền 400.000 đồng ra để đánh bạc. Tổng số tiền Q đã sử dụng và sẽ sử dụng để đánh bạc là 500.000 đồng, còn lại số tiền 1.700.000 đồng Q không sử dụng để đánh bạc.

Bị cáo T khai nhận: Khi tham gia đánh bạc T có số tiền 8.000.000 đồng, T đã lấy ra số tiền 500.000 đồng để sử dụng đánh bạc, quá trình đánh có ván thắng ván thua đến khi bị bắt T hòa nên vẫn còn số tiền 500.000 đồng để ở dưới chiếu trước mặt. Nếu không bị bắt mà thua hết số tiền 500.000 đồng thì T sẽ lấy tiếp số tiền 1.500.000 đồng ra để đánh bạc. Còn lại số tiền 6.000.000 đồng T để đóng tiền nhà, không sử dụng để đánh bạc.

Với nội dung trên, tại bản cáo trạng số 38/Ctr-VKS- TT ngày 6/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành đã truy tố Ngô Ngọc L, Trần Phúc T, Ngô Thị Q, Ngô Văn Ch sinh năm 1975, Ngô Văn Ch sinh năm 1977 và Phạm Hùng V về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng bọn đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Đối với bị cáo L khai do thời điểm bị cáo bị bắt giữ bị cáo cũng không nhớ chính xác số tiền không dùng đánh bạc mà bị cáo giao nộp nên bị cáo khai nộp số tiền 4.300.000 đồng không dùng đánh bạc. Nay bị cáo xác nhận số tiền bị cáo không dùng vào đánh bạc là 4.220.000 đồng.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cho xã hội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử.

Đối với bị cáo Ngô Ngọc L áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo L từ 09 đến 13 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 26 tháng. Do bị cáo là người cao tuổi nên miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

Đối với bị cáo Trần Phúc T áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, Điều 51; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo T từ 08 đến 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 22 tháng. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Đối với bị cáo Ngô Thị Q áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Q từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Miễn phạt bổ sung do bị cáo là người cao tuổi.

Đối với bị cáo Ngô Văn Ch, sinh năm 1975 áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, Điều 51; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Ch từ 07 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Đối với bị cáo Ngô Văn Ch, sinh năm 1977 áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Ch từ 08 đến 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 22 tháng. Miễn phạt bổ sung do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn đã được UBND xã nơi cư trú xác nhận.

Đối với bị cáo Phạm Hùng V áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo V từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài lơ khơ; Tịch thu sung quỹ số tiền 11.200.000 đồng dùng vào đánh bạc. Trả lại các bị cáo số tiền không dùng vào đánh bạc, cụ thể: Trả lại L số tiền 4.220.000 đồng; trả lại T số tiền 6.000.000 đồng; trả lại Ch sinh năm 1977 số tiền 11.500.000 đồng; trả lại Q số tiền 1.700.000 đồng.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo L và bị cáo Q do là người cao tuổi nên miễn án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo nhất trí với phần luận tội và không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo cũng như miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo vì các bị cáo đều là người lao động tự do không có thu nhập thường xuyên.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với thời gian địa điểm phạm tội, biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định được:

Khoảng 15 giờ ngày 12/02/2022 tại nhà Ngô Ngọc L ở thôn Tam Á, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Lực lượng Công an đã phát hiện và bắt quả tang Ngô Ngọc L, Trần Phúc T, Ngô Thị Q, Ngô Văn Ch sinh năm 1977, Ngô Văn Ch sinh năm 1975 và Phạm Hùng V đang có hành vi đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh liêng với tổng số tiền các bị cáo dùng vào đánh bạc là 11.200.000 đồng. Do vậy hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội đánh bạc, tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ Luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2]. Xét về nguyên nhân, tính chất, vai trò của các bị cáo trong vụ án cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo thì thấy.

Về nguyên nhân các bị cáo tuy đều là người lao động chân chất, nhưng háms lợi, máu đồ đen sát phạt. Các bị cáo mặc dù đều nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vì máu đồ đen sát phạt nên vẫn cố tình cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới an ninh trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đã lôi kéo nhiều người tham gia, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội của các bị cáo chẳng những làm gia tăng tệ nạn cờ bạc trong cộng đồng dân cư, mà còn ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của nhiều gia đình khi có con em, người thân đam mê cờ bạc và đây cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Xét thấy cần phải xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về vai trò của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng tiếp nhận ý chí của nhau để thực hiện hành vi đánh bạc mà không có người đứng ra phân công, tổ chức do vậy xét về vai trò đồng phạm thì các bị cáo đều có vai trò như nhau trong vụ án. Bị cáo L dùng số tiền 2.400.000 đồng; bị cáo V dùng số tiền 2.040.000 đồng; bị cáo T dùng số tiền 2.000.000 đồng; bị cáo Ch sinh năm 1977 dùng số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc; bị cáo Ch sinh năm 1977 dùng số tiền 1.000.000 đồng và bị cáo Q dùng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc. Vai trò của các bị cáo được xem xét trên số tiền mà các bị cáo đã dùng để đánh bạc.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị cáo L đã tham gia Ch tranh biên giới phía Bắc và đã được Q đội cho hưởng chế độ trợ cấp; Bị cáo Ch, sinh năm 1977 có bố đẻ là ông Ngô Văn Trều có công với cách

mạng được tặng thưởng Huân chương kháng Ch, Huy chương Ch sỹ giải phóng; Bị cáo V có bố đẻ là ông Phạm Khắc May đã được Chính phủ tặng Bằng khen; Bị cáo Q cũng có công tham gia dân công hoả tuyến, bị cáo cũng có chồng là Nguyễn Xuân Yên là thương binh hạng $\frac{3}{4}$. Do vậy các bị cáo L, Ch sinh năm 1977; V và Q được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Về nhân thân: Các bị cáo L, bị cáo Ch sinh năm 1977 và bị cáo V đều đã một lần bị xử phạt hành chính. Tuy thời hạn để tính các bị cáo có tiền sự đã hết nhưng cũng chứng tỏ các bị cáo là người chấp hành pháp luật chưa được tốt. Đây cũng là những tình tiết để Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình đối với các bị cáo.

Xét thấy các bị cáo phạm tội lần này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng nên thấy chưa cần thiết phải phạt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo có cơ hội cải tạo tại địa phương cũng là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Khi quyết định hình phạt, phạt bị cáo L mức cao cao nhất, Phạt bị cáo V thấp hơn bị cáo L nhưng cao hơn các bị cáo còn lại, phạt bị cáo T, bị cáo Ch sinh năm 1977 mức phạt ngang nhau, phạt bị cáo Ch, sinh năm 1975 và bị cáo Q mức phạt thấp hơn các bị cáo còn lại.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội với mục đích thu lời bất chính, nên ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Phạt các bị cáo với mức phạt 10.000.000 đồng đối với mỗi bị cáo để sung công quỹ Nhà nước. Đối với bị cáo L, bị cáo Q do các bị cáo là người cao tuổi, đã hết tuổi lao động, bị cáo Ch, sinh năm 1977 do có hoàn cảnh khó khăn nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Đối với số tiền 11.200.000 đồng, xét thấy đây là tiền các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc cói, 01 bộ bài lơ khơ 52 Q là vật, phương tiện mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc. Trả lại các bị cáo số tiền không dùng vào đánh bạc. Cụ thể, trả lại bị cáo L số tiền 2.220.000 đồng; trả lại bị cáo Q số tiền 1.700.000 đồng. Trả lại bị cáo Ch, sinh năm 1977 số tiền 11.500.000 đồng; trả lại bị cáo T số tiền 6.000.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Các bị cáo T, bị cáo Ch sinh năm 1977, bị cáo Ch sinh năm 1975 và bị cáo V mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo L và bị cáo Q do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Ngô Ngọc L, bị cáo Trần Phúc T, bị cáo Ngô Thị Q, bị cáo Ngô Văn Ch sinh năm 1975, bị cáo Ngô Văn Ch, sinh năm 1977 và bị cáo Phạm Hùng V phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321 (không áp dụng khoản 3 đối với bị cáo Q, bị cáo L, bị cáo Ch sinh năm 1977); điểm s điểm i khoản 1 (thêm khoản 2

đổi với bị cáo L, bị cáo Q, bị cáo V và bị cáo Ch sinh năm 1977) Điều 51; Điều 65; Điều 47 của Bộ Luật hình sự. Điều 106; Điều 136 của Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử phạt Ngô Ngọc L 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt Phạm Hùng V 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt Ngô Văn Ch, sinh năm 1977 - 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt Trần Phúc T 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt Ngô Văn Ch, sinh năm 1975 - 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt Ngô Thị Q 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo L, bị cáo Q, bị cáo Ch sinh năm 1977, bị cáo Ch sinh năm 1975 và bị cáo V cho UBND xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; Giao bị cáo T cho UBND xã Võ Lao, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung các bị cáo Trần Phúc T, bị cáo Ngô Văn Ch sinh năm 1975, bị cáo Phạm Hùng V mỗi bị cáo số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

3. Về vật chứng vụ án: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 11.200.000 đồng. Trả lại các bị cáo; bị cáo L số tiền 4.220.000 đồng, bị cáo Q số tiền 1.700.000 đồng.

Trả lại bị cáo T số tiền 6.000.000 đồng, bị cáo Ch sinh năm 1977 số tiền 11.500.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tịch thu tiêu huỷ 01 bộ bài tú lơ khơ 52 Q có mặt lưng màu đỏ, 01 chiếc cói có hoa văn màu đỏ, 01 ví da (Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 22/6/2022 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Ch sinh năm 1975, Ch sinh năm 1977, Bị cáo T và bị cáo V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo L, bị cáo Q.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND tỉnh Bắc Ninh.
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Thuận Thành.
- Công an huyện Thuận Thành.
- Chi cục THA dân sự huyện Thuận Thành.
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Sỹ Cây